


# Dell Latitude 14 Rugged Extreme – 7414

## Hướng dẫn bắt đầu

## Ghi chú, thận trọng và cảnh báo

 **GHI CHÚ:** GHI CHÚ cho biết thông tin quan trọng giúp cho việc sử dụng máy tính tốt hơn.

 **THẬN TRỌNG:** THẬN TRỌNG chỉ báo khả năng xảy ra hư hỏng phần cứng hoặc mất dữ liệu và cho bạn biết cách tránh được sự cố.

 **CẢNH BÁO:** CẢNH BÁO cho biết có thể có thiệt hại về tài sản, gây thương tích hoặc tử vong ở người.

© 2016 Dell Inc. Mọi quyền đã được bảo lưu. Sản phẩm này được bảo vệ bởi các luật về bản quyền và sở hữu trí tuệ của Hoa Kỳ và quốc tế. Dell và logo Dell là các thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các vùng tài phán khác. Tất cả các nhãn hiệu và tên gọi khác được đề cập trong đây có thể là thương hiệu của các công ty tương ứng.

<b>1</b>	<b>1 Tìm thông tin và tài nguyên.....</b>	<b>5</b>
<b>2</b>	<b>2 Tổng quan hệ thống.....</b>	<b>6</b>
<b>3</b>	<b>3 Thiết lập nhanh.....</b>	<b>8</b>
<b>4</b>	<b>4 Tháo và lắp các thành phần.....</b>	<b>9</b>
	Opening the press latch doors.....	9
	Đóng các cửa chốt nhấn.....	9
	Tháo pin.....	9
	Lắp đặt pin.....	10
	Tháo ổ đĩa cứng.....	10
	Lắp đặt ổ đĩa cứng.....	10
<b>5</b>	<b>5 Thao tác trên máy tính.....</b>	<b>11</b>
	Sử dụng bàn phím có đèn nền.....	11
	Bật/tắt đèn nền bàn phím hoặc điều chỉnh độ sáng.....	11
	Thay đổi màu đèn nền bàn phím.....	11
	Tùy chỉnh bàn phím có đèn nền trong System Setup (Thiết lập Hệ thống) (BIOS).....	12
	Tính năng khóa phím của Phím Chức năng.....	12
	Chế độ Bí mật.....	12
	Bật/tắt chế độ bí mật.....	13
	Tắt chế độ bí mật trong thiết lập hệ thống (BIOS).....	13
	Tắt và bật tính năng không dây (WiFi).....	13
<b>6</b>	<b>6 Đầu nối (QD) ngắt kết nối nhanh.....</b>	<b>14</b>
	Lắp đặt đầu nối QD.....	14
	Tháo đầu nối QD.....	14
<b>7</b>	<b>7 Thông số kỹ thuật.....</b>	<b>15</b>
	Thông số kỹ thuật thông tin hệ thống.....	15
	Thông số kỹ thuật bộ xử lý.....	15
	Thông số kỹ thuật bộ nhớ.....	16
	Thông số kỹ thuật pin.....	16
	Thông số kỹ thuật âm thanh.....	16
	Thông số kỹ thuật video.....	17
	Thông số kỹ thuật giao tiếp.....	17
	Thông số kỹ thuật cổng và đầu nối.....	17
	Thông số kỹ thuật màn hình.....	18
	Thông số kỹ thuật bàn di chuột.....	18
	Thông số kỹ thuật bàn phím.....	18
	Thông số kỹ thuật bộ chuyển đổi nguồn.....	18
	Thông số kỹ thuật kích thước vật lý.....	19
	Thông số kỹ thuật môi trường.....	19

<b>8 Liên hệ Dell.....</b>	<b>20</b>
<b>9 Thông tin NOM (chỉ dành cho Mexico).....</b>	<b>21</b>
<b>10 Taiwan RoHS.....</b>	<b>22</b>

# Tìm thông tin và tài nguyên

Xem các tài liệu an toàn và quy định đi kèm với máy tính của bạn và trang web tuân thủ quy định tại [Dell.com/regulatory\\_compliance](https://www.dell.com/regulatory_compliance) để biết thêm thông tin về:

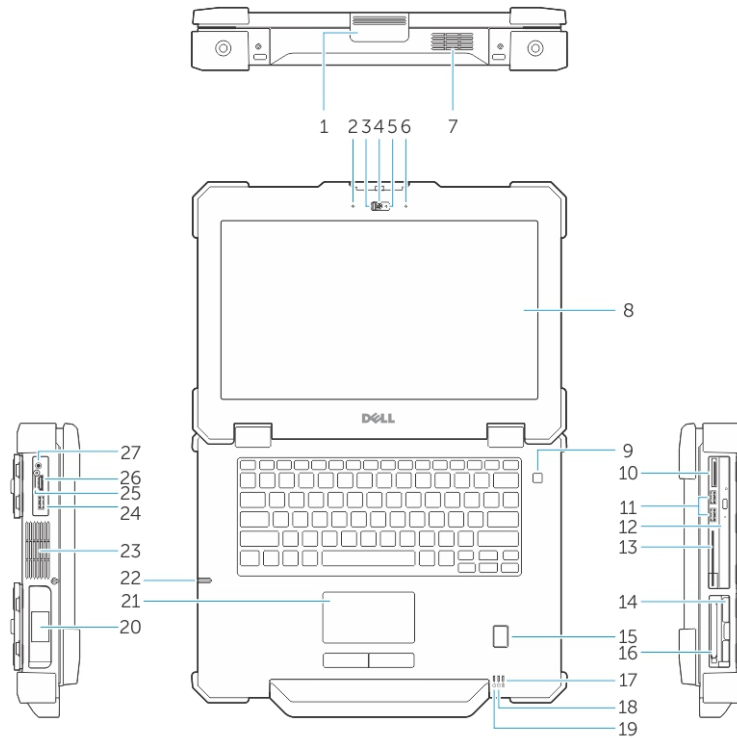
- Quy định thực hành an toàn tốt nhất
- Chứng nhận quy định
- Công thái học

Xem [Dell.com](https://www.dell.com) để biết thêm thông tin về:

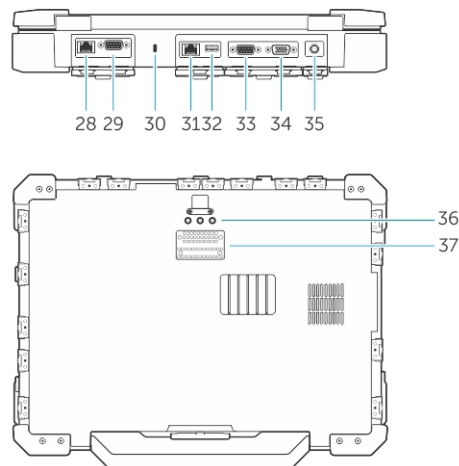
- Bảo hành
- Điều khoản và Điều kiện (chỉ ở Hoa Kỳ)
- Thỏa Thuận Cấp Phép Người Dùng Cuối

Thông tin thêm về sản phẩm của bạn hiện có sẵn tại [Dell.com/support/manuals](https://www.dell.com/support/manuals).

## Tổng quan hệ thống



Hình 1. Mặt trước hệ thống



Hình 2. Mặt sau hệ thống

- |   |  |
|---|--|
| 1. chốt màn hình                        | 2. micrô   |
| 3. màn chắn đảm bảo riêng tư (tùy chọn) | 4. camera (tùy chọn)                             |
| 5. đèn trạng thái camera (tùy chọn)     | 6. micrô   |
| 7. khoang tản nhiệt QuadCool dạng kín   | 8. hiển thị/màn hình cảm ứng đọc được ngoài trời |
| 9. nút nguồn                            | 10. đầu đọc thẻ nhớ                              |
| 11. cổng USB 3.0                        | 12. ổ đĩa quang                                  |
| 13. Đầu đọc thẻ thông minh              | 14. ổ đĩa cứng                                   |

15. đầu đọc dấu vân tay
17. đèn trạng thái pin
19. đèn trạng thái nguồn
21. bàn di chuột
23. khoang tản nhiệt dạng kín
25. khe cắm thẻ SIM
27. cổng âm thanh
29. cổng serial
31. cổng mạng
33. cổng serial
35. đầu nối nguồn
37. đầu nối thiết bị gắn đế
16. Đầu đọc ExpressCard
18. đèn trạng thái ổ đĩa cứng
20. pin
22. bút cảm ứng
24. cổng USB 3.0 với tính năng PowerShare
26. Cổng HDMI
28. cổng mạng
30. khe cắm cáp bảo vệ
32. Cổng USB 2.0
34. cổng VGA
36. các đầu nối truyền qua tần số radio

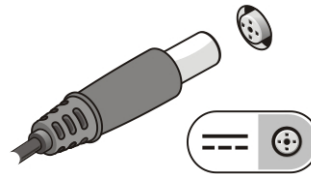
**⚠ THẬN TRỌNG: NGUY HIỂM NỔ**--Các kết nối bên ngoài (cổng bộ chuyển đổi nguồn, cổng HDMI, cổng USB, cổng RJ45, cổng serial, cổng âm thanh, khe đọc Smart Card, khe cắm đầu đọc thẻ SD, khe cắm đầu đọc Express Card, khe cắm đầu đọc thẻ PC, khe cắm thẻ SIM) không nên sử dụng ở địa điểm nguy hiểm.

**⚠ CẢNH BÁO:** Không làm tắc nghẽn, chèn đồ vật vào hoặc để bụi bẩn tích tụ trong lỗ thông gió. Không cất giữ máy tính Dell trong môi trường thông gió kém, chẳng hạn như vali đóng kín, trong khi máy tính đang chạy. Hạn chế luồng khí có thể làm hỏng máy tính. Máy tính bật quạt khi máy trở nên nóng. Tiếng ồn từ quạt là bình thường và không phải là sự cố với quạt hoặc máy tính.

# Thiết lập nhanh

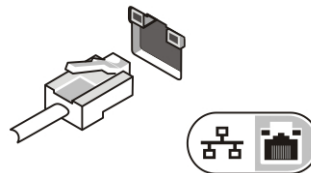
- GHI CHÚ:** Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào trong mục này, hãy làm theo các hướng dẫn an toàn đi kèm với máy tính của bạn. Để biết thêm thông tin về các phương pháp thực hành tốt nhất, hãy xem [Dell.com/regulatory\\_compliance](http://Dell.com/regulatory_compliance).
- GHI CHÚ:** Bộ chuyển đổi nguồn AC hoạt động với các loại ổ cắm điện trên khắp thế giới. Tuy nhiên, các đầu nối nguồn và dây nguồn khác nhau giữa các quốc gia. Việc sử dụng dây cáp không tương thích hoặc kết nối cáp không đúng với dây nguồn hoặc ổ cắm điện có thể gây ra hỏa hoạn hoặc hư hỏng thiết bị.
- THẬN TRỌNG:** Khi bạn ngắt kết nối cáp của bộ chuyển đổi nguồn AC khỏi máy tính, hãy nắm đầu nối chứ đừng nắm dây cáp và kéo dứt khoát nhưng nhẹ nhàng để tránh làm hỏng cáp. Khi quản dây cáp bộ chuyển đổi nguồn AC, hãy đảm bảo bạn làm theo góc nghiêng của đầu nối trên bộ chuyển đổi nguồn AC để tránh làm hỏng cáp.
- GHI CHÚ:** Một số thiết bị có thể không được gửi kèm nếu bạn không đặt hàng.

1. Đầu nối bộ chuyển đổi nguồn AC vào cổng bộ chuyển đổi nguồn AC trên máy tính và vào ổ cắm điện.



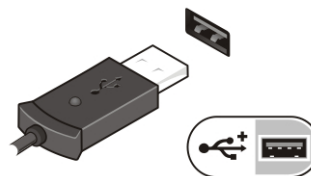
**Hình 3. Bộ chuyển đổi nguồn AC**

2. Kết nối cáp mạng (tùy chọn).



**Hình 4. Đầu nối mạng**

3. Kết nối các thiết bị USB, ví dụ như chuột hoặc bàn phím (tùy chọn).



**Hình 5. Đầu nối USB**

4. Để bật máy tính, hãy mở màn hình máy tính và bấm nút nguồn.



**Hình 6. Nút nguồn**

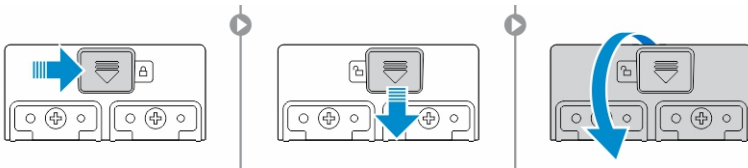
- GHI CHÚ:** Bạn nên bật và tắt máy tính ít nhất một lần trước khi cài đặt bất kỳ thẻ nào hoặc kết nối máy tính với thiết bị trạm nối hoặc thiết bị bên ngoài khác, chẳng hạn như máy in.

## Tháo và lắp các thành phần

### Opening the press latch doors

Máy tính này có tám cửa chốt nhấn:

- Bốn cửa ở mặt sau máy tính
  - Hai cửa ở bên phải máy tính
  - Hai cửa ở bên trái máy tính
1. Trượt chốt cho đến khi thấy biểu tượng mở khóa.
  2. Bấm chốt và mở cửa chốt nhấn theo hướng đi xuống.



### Đóng các cửa chốt nhấn

1. Đóng cửa chốt bằng cách nhấn nó về phía máy tính.
2. Để khóa các cửa chốt, hãy trượt chốt cho đến khi thấy biểu tượng khóa.

### Tháo pin

**⚠ CẢNH BÁO:** Sử dụng pin không tương thích có thể làm tăng nguy cơ cháy nổ. Chỉ được thay pin bằng loại pin tương thích mua từ Dell. Pin được thiết kế để hoạt động với máy tính Dell của bạn. Không dùng pin từ các máy tính khác cho máy tính của bạn.

**⚠ CẢNH BÁO:** Trước khi tháo hoặc thay thế pin:

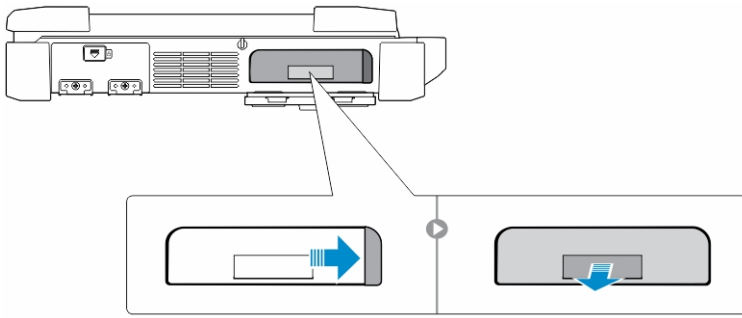
1. Tắt máy tính.
2. Ngắt kết nối bộ chuyển đổi nguồn AC ra khỏi ổ cắm điện và máy tính.
3. Ngắt kết nối modem khỏi đầu cắm ổ điện và máy tính.
4. Tháo bất cứ dây cáp bên ngoài nào khác ra khỏi máy tính.

**⚠ CẢNH BÁO:** Để ngăn ngừa cháy nổ ở môi trường độc hại, chỉ được tháo, thay đổi hoặc sạc pin trong một khu vực được xác định là không nguy hiểm.

1. Mở cửa chốt nhấn, xem mục [Mở cửa chốt nhấn](#).

**i | GHI CHÚ:** Pin nằm bên dưới cửa chốt nhấn.

2. Để mở khóa pin, hãy trượt chốt nhả pin sang bên phải.
3. Giữ phần máu kéo, hãy kéo pin ra khỏi máy tính.

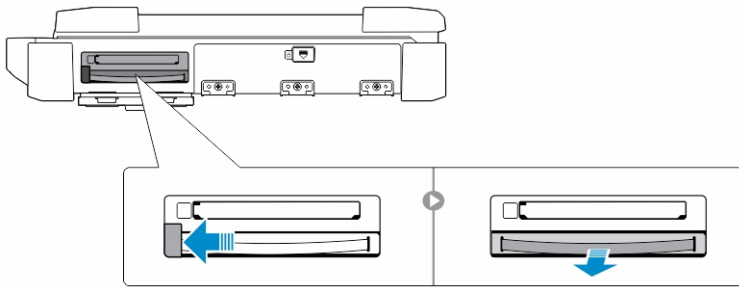


## Lắp đặt pin

1. Lắp pin vào trong khe pin cho đến khi nó khớp vào vị trí.
2. Đóng nắp pin và nhấn nó cho đến khi khớp vào vị trí.
3. Gài khóa bằng cách trượt chốt cho đến khi thấy biểu tượng khóa.

## Tháo ổ đĩa cứng

1. Trượt chốt nhà ổ đĩa cứng sang trái để mở khóa.
2. Kéo ổ đĩa cứng ra ngoài bằng cách sử dụng vòng kéo và tháo nó khỏi máy tính.



## Lắp đặt ổ đĩa cứng

1. Lắp ổ đĩa cứng vào trong khe cắm ổ đĩa cứng cho đến khi nó khớp vào vị trí.

**ⓘ | GHI CHÚ:** Giữ mẫu kéo của ổ đĩa cứng tránh khỏi cửa vào trước khi đóng cửa chốt ổ đĩa cứng.

2. Đóng cửa chốt ổ đĩa cứng.
3. Trượt chốt cho đến khi thấy biểu tượng khóa.

## Thao tác trên máy tính

### Sử dụng bàn phím có đèn nền

Dòng sản phẩm chống sốc Latitude được trang bị bàn phím có đèn nền có thể tùy chỉnh được. Các màu sau sẽ được kích hoạt:

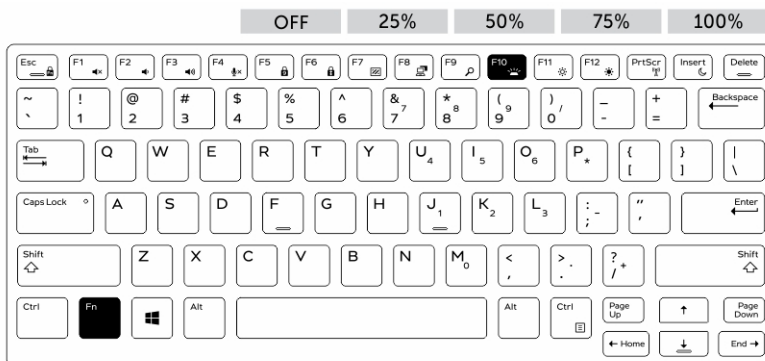
1. Trắng
2. Đỏ
3. Xanh lá
4. Xanh dương

Ngoài ra, hệ thống có thể được cấu hình với hai màu sắc tùy chỉnh bổ sung trong Thiết lập Hệ thống (BIOS).

### Bật/tắt đèn nền bàn phím hoặc điều chỉnh độ sáng

Để bật/tắt đèn nền hoặc điều chỉnh cài đặt độ sáng đèn nền:

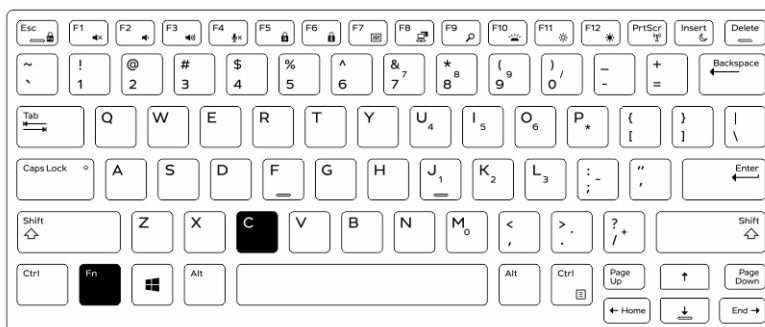
1. Để khởi chạy khóa chuyển đèn nền bàn phím, hãy nhấn Fn+F10 (không cần phím Fn nếu đã bật khóa phím chức năng Fn).
2. Lần sử dụng đầu tiên tổ hợp phím trên đây sẽ bật đèn nền ở cài đặt mức thấp nhất.
3. Nhấn lặp lại tổ hợp phím sẽ xoay vòng cài đặt độ sáng qua 25 phần trăm, 50 phần trăm, 75 phần trăm và 100 phần trăm.
4. Xoay vòng qua tổ hợp phím này để điều chỉnh độ sáng hoặc tắt đèn nền bàn phím.



### Thay đổi màu đèn nền bàn phím

Để thay đổi màu đèn nền bàn phím:

1. Để xoay vòng qua các màu nền hiện có hãy bấm tổ hợp phím Fn+C.
2. Trắng, Đỏ, Xanh lá và Xanh dương đang hoạt động theo mặc định; có thể thêm tối đa hai màu tùy chỉnh vào chu kỳ này trong System Setup (Thiết lập Hệ thống) (BIOS).

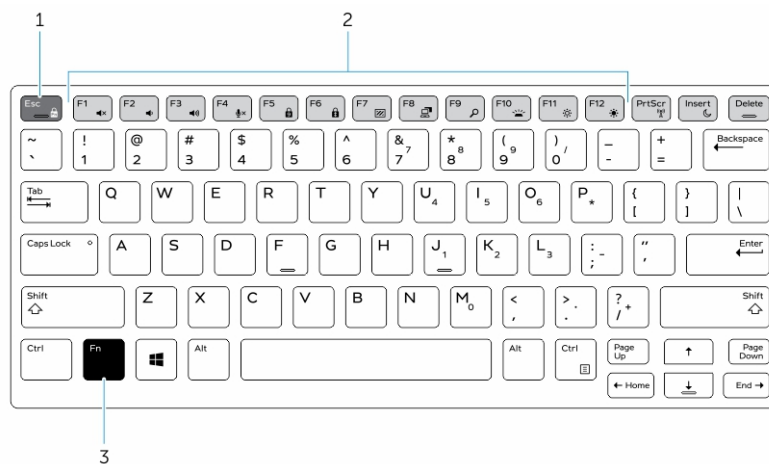


# Tùy chỉnh bàn phím có đèn nền trong System Setup (Thiết lập Hệ thống) (BIOS)

1. Tắt máy tính.
2. Bật máy tính lên và khi màn hình logo Dell xuất hiện, hãy nhấn phím F2 nhiều lần để gọi ra menu System Setup (Thiết lập Hệ thống).
3. Dưới menu **System Configuration (Cấu hình Hệ thống)**, hãy chọn **RGB Keyboard Backlight (Đèn nền Bàn phím RGB)**.  
Bạn có thể bật/tắt các màu tiêu chuẩn (Trắng, Đỏ, Xanh lá và Xanh dương).
4. Để cài một giá trị RGB tùy chỉnh, hãy dùng các ô nhập liệu ở bên phải màn hình.
5. Nhấp vào **Apply changes (Áp dụng thay đổi)** và nhấp **Exit (Thoát)** để đóng System Setup (Thiết lập Hệ thống) lại.

## Tính năng khóa phím của Phím Chức năng

**GHI CHÚ:** Bàn phím có chức năng khóa phím Chức năng Fn. Khi được kích hoạt, chức năng phụ trên hàng phím trên cùng sẽ trở thành mặc định và không phải sử dụng phím Fn.



Hình 7. Chú thích phím Fn

1. Phím khóa Fn
2. Các phím Fn bị ảnh hưởng
3. Phím Fn

**GHI CHÚ:** Chức năng khóa phím Fn chỉ ảnh hưởng đến các phím phía trên (F1 đến F12). Các chức năng phụ sẽ không yêu cầu phải nhấn phím Fn trong khi được kích hoạt.

## Bật khóa Chức năng (Fn)

1. Bấm các phím Fn+Esc.

**GHI CHÚ:** Các phím chức năng phụ khác ở hàng trên cùng không bị ảnh hưởng và đòi hỏi phải dùng phím Fn.

2. Bấm phím Fn+Esc một lần nữa để tắt tính năng khóa chức năng.  
Các phím chức năng quay trở lại các hành động mặc định.

## Chế độ Bí mật

Các sản phẩm chống sốc Latitude được trang bị tính năng chế độ bí mật. Chế độ bí mật cho phép bạn tắt màn hình hiển thị, tắt cả các đèn LED, loa gắn trong, quạt và tắt cả các sóng vô tuyến không dây bằng một tổ hợp phím.

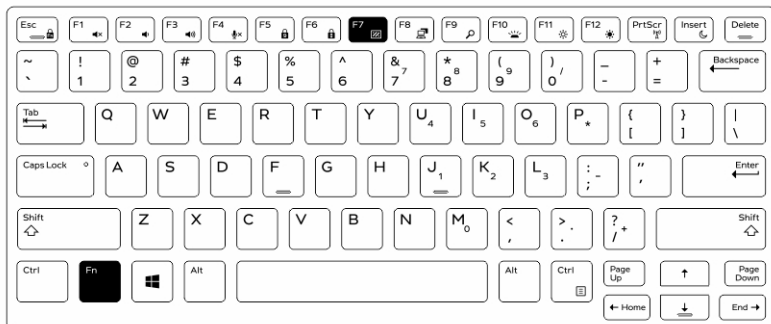
**GHI CHÚ:** Chế độ này nhằm sử dụng máy tính trong các thao tác vận hành ngầm. Khi chế độ bí mật được bật, máy tính vẫn hoạt động nhưng không phát ra âm thanh hoặc ánh sáng đèn.

## Bật/tắt chế độ bí mật

1. Nhấn tổ hợp phím Fn+F7 (không cần phím Fn nếu đang bật khóa Fn) để bật chế độ bí mật.

**GHỊ CHÚ:** Chế độ bí mật là chức năng phụ của phím F7. Phím này có thể dùng để thực hiện các chức năng khác trên máy tính khi không sử dụng với phím Fn để bật chế độ bí mật.

2. Tất cả các đèn và âm thanh đều bị tắt.
3. Nhấn tổ hợp phím Fn+F7 một lần nữa để tắt chế độ bí mật.



## Tắt chế độ bí mật trong thiết lập hệ thống (BIOS)

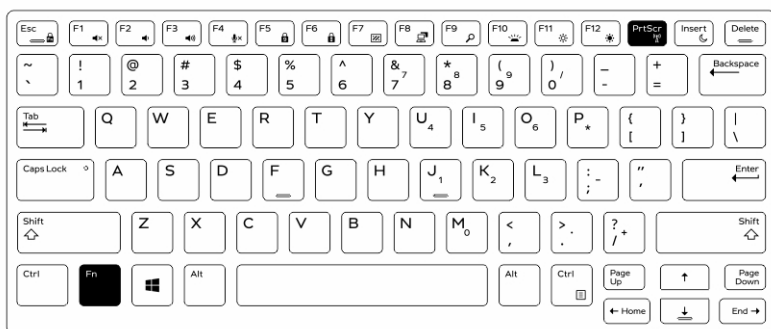
1. Tắt nguồn máy tính.
2. Bật nguồn máy tính lên và ở màn hình logo Dell, hãy nhấn phím F2 nhiều lần để gọi ra menu **System Setup (Thiết lập Hệ thống)**.
3. Mở rộng và mở menu **System Configuration (Cấu hình Hệ thống)**.
4. Chọn **Stealth Mode Control (Kiểm soát Chế độ Bí mật)**.

**GHỊ CHÚ:** Chế độ bí mật được bật theo mặc định.

5. Để tắt chế độ bí mật hãy xóa tùy chọn **Enable Stealth Mode (Bật Chế độ Bí mật)**.
6. Nhấp **Apply changes (Áp dụng thay đổi)** rồi nhấp vào **Exit (Thoát)**.

## Tắt và bật tính năng không dây (WiFi)

1. Để bật Kết nối mạng không dây, hãy bấm Fn+PrtScr.
2. Bấm Fn+PrtScr một lần nữa để tắt Kết nối mạng không dây.



# Đầu nối (QD) ngắt kết nối nhanh

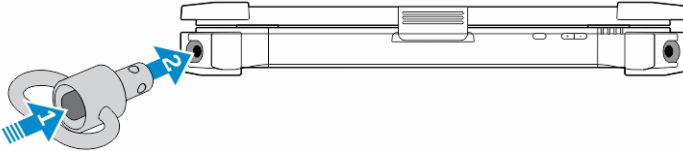
Các sản phẩm chống sốc đầy đủ của Latitude được trang bị hốc cắm cho các đầu nối QD (Ngắt kết nối nhanh) ở các góc. Các hốc cắm này cho phép kết nối các phụ kiện tùy chọn như dây đeo vai.

## Các chủ đề:

- Lắp đặt đầu nối QD
- Tháo đầu nối QD

## Lắp đặt đầu nối QD

1. Căn chỉnh đầu nối QD đến hốc cắm của nó trên góc máy tính.
2. Nhấn và giữ nút trên đỉnh đầu nối QD.
3. Lắp đầu nối QD vào hốc cắm, trong khi vẫn tiếp tục bấm nút [1, 2].





4. Nhả nút ra sau khi đầu nối vào đúng vị trí trong hốc cắm để cố định nó.

## Tháo đầu nối QD

1. Nhấn và giữ nút trên đỉnh đầu nối QD.
2. Kéo đầu nối ra khỏi hốc cắm, trong khi vẫn tiếp tục bấm nút.

# Thông số kỹ thuật

**GHI CHÚ:** Sản phẩm có thể khác nhau tùy theo khu vực. Để biết thêm thông tin về cấu hình máy tính của bạn trong:

- Windows 10, hãy nhấp hoặc nhấn Start  > Settings > System > About.
- Windows 8.1 và Windows 8, từ thanh bên chứa các nút, hãy nhấp hoặc nhấn vào Cài đặt > Thay đổi cài đặt PC. Trong cửa sổ Cài đặt PC, chọn PC và thiết bị > Thông tin PC.
- Windows 7, hãy nhấp Start , nhấp phải My Computer, và sau đó chọn Properties.

## Các chủ đề:

- Thông số kỹ thuật thông tin hệ thống
- Thông số kỹ thuật bộ xử lý
- Thông số kỹ thuật bộ nhớ
- Thông số kỹ thuật pin
- Thông số kỹ thuật âm thanh
- Thông số kỹ thuật video
- Thông số kỹ thuật giao tiếp
- Thông số kỹ thuật cổng và đầu nối
- Thông số kỹ thuật màn hình
- Thông số kỹ thuật bàn di chuột
- Thông số kỹ thuật bàn phím
- Thông số kỹ thuật bộ chuyển đổi nguồn
- Thông số kỹ thuật kích thước vật lý
- Thông số kỹ thuật môi trường

## Thông số kỹ thuật thông tin hệ thống

Tính năng	Thông số kỹ thuật
<b>Bảng thông bus DRAM</b>	64 bit
<b>Flash EPROM</b>	SPI 128 Mbits
<b>Bus PCIe 3.0</b>	8,0 GHz

## Thông số kỹ thuật bộ xử lý

Tính năng	Thông số kỹ thuật
<b>Loại</b>	Dòng Intel Core i3/i5/i7
<b>L3 cache</b>	Tối đa 4 MB
<b>Tần số bus ngoài</b>	2133 MHz

# Thông số kỹ thuật bộ nhớ

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Đầu nối bộ nhớ	Hai khe cắm SODIMM
Dung lượng bộ nhớ	4 GB, 8 GB và 16 GB
Loại bộ nhớ	SDRAM DDR4
Tốc độ	2133 MHz
Bộ nhớ tối thiểu	4 GB
Bộ nhớ tối đa	32 GB

# Thông số kỹ thuật pin

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Loại	lithium ion thông minh 6-cell hoặc 9-cell
Sâu	80 mm (3,14 inches)
Chiều cao	21 mm (0,82 inches)
Rộng	166,9 mm (6,57 inches)
Trọng lượng	<ul style="list-style-type: none"><li>6-cell: 365,5 g (0,80 pound)</li><li>9-cell: 520 g (1,14 pound)</li></ul>
Điện áp	14,8 V DC
Tuổi thọ tối đa	300 chu kỳ sạc/xả
Dải nhiệt độ	
Hoạt động	<ul style="list-style-type: none"><li>Sạc pin: 0°C đến 60°C (32°F đến 140°F)</li><li>Xả pin: 0°C đến 70°C (32°F đến 158°F)</li></ul>
Không hoạt động	-51°C đến 71°C (-60°F đến 160°F) <b>ⓘ GHI CHÚ: Bộ pin có khả năng chịu được nhiệt độ bảo quản nêu trên một cách an toàn với điện tích 100%.</b> <b>ⓘ GHI CHÚ: Bộ pin cũng có khả năng chịu được nhiệt độ bảo quản từ -20°C đến +60°C mà không suy giảm hiệu suất hoạt động của pin.</b>
Pin dạng đồng xu	pin lithium dạng đồng xu 3 V CR2032

# Thông số kỹ thuật âm thanh

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Loại	âm thanh chất lượng cao 4 kênh
Bộ điều khiển	Bộ mã hóa Codec HDA - ALC3235
Chuyển đổi âm thanh stereo	24-bit (analog qua digital và digital qua analog)
Giao diện (bên trong)	Âm thanh HD

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Giao diện (bên ngoài)	đầu nối micrô vào/tai nghe stereo/loa ngoài
Loa	một loa mono
Bộ khuếch đại loa bên trong	2 W (RMS)
Điều khiển âm lượng	Các nút tăng/giảm âm lượng

**THẬN TRỌNG:** Việc điều chỉnh kiểm soát âm lượng, cũng như bộ chỉnh âm trong hệ điều hành và/hoặc phần mềm bộ chỉnh âm, đến các cài đặt khác ngoài vị trí cân bằng có thể làm tăng công suất tai nghe và/hoặc bộ tai nghe gây hư tổn hoặc mất thính lực.

## Thông số kỹ thuật video

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Loại	tích hợp trên bo mạch hệ thống
Bộ điều khiển (UMA) — Intel core i3/i5/i7	Intel HD Graphics 520
Chuyên dụng	Card đồ họa chuyên dụng AMD Radeon R7 M360

## Thông số kỹ thuật giao tiếp

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Bộ điều hợp mạng	Ethernet 10/100/1000 Mb/s (RJ-45)
Wireless (Không dây)	<ul style="list-style-type: none"> <li>WLAN có hỗ trợ Bluetooth 4.1</li> <li>WWAN</li> </ul>

## Thông số kỹ thuật cổng và đầu nối

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Audio	một đầu nối micrô/tai nghe stereo/loa
Video	<ul style="list-style-type: none"> <li>một cổng HDMI 19 chân</li> <li>một cổng VGA 15 chân</li> </ul>
Bộ điều hợp mạng	hai đầu nối RJ45
Cổng serial	hai cổng serial chân DB9
Cổng gắn đế	một
Cổng USB	<ul style="list-style-type: none"> <li>một cổng tương thích USB 2.0 4 chân</li> <li>một cổng tương thích USB 3.0 9 chân có tính năng PowerShare</li> <li>hai cổng tương thích USB 3.0 9 chân</li> </ul>
khe cắm thẻ SIM	một khe cắm micro-SIM với tính năng bảo mật

# Thông số kỹ thuật màn hình

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Loại	Màn hình WLED
Kích cỡ	14,0 inch
Chiều cao	190,00 mm (7,48 inches)
Rộng	323,5 mm (12,59 inches)
Đường chéo	375,2 mm (14,77 inches)
Vùng hoạt động (X/Y)	309,4 mm x 173,95 mm
Độ phân giải tối đa	1366 x 768 pixel
Tốc độ làm mới	60 Hz
Góc hoạt động	0° (khi đóng) đến 180°
Góc nhìn tối đa (ngang)	tối thiểu +/- 70° cho HD
Góc nhìn tối đa (dọc)	tối thiểu +/- 70° cho HD
Độ lớn điểm ảnh	0,1875 mm

# Thông số kỹ thuật bàn di chuột

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Vùng hoạt động:	
Trục X	99,50 mm
Trục Y	53,00 mm

# Thông số kỹ thuật bàn phím

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Số phím	<ul style="list-style-type: none"><li>83 phím: tiếng Anh của người Mỹ, tiếng Thái, tiếng Pháp-Canada, tiếng Hàn Quốc, tiếng Nga, tiếng Do Thái, tiếng Anh Quốc tế</li><li>84 phím: tiếng Anh của người Anh, tiếng Pháp của người Canada ở Quebec, tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha (Mỹ La-tinh), tiếng NaUy, tiếng Ả Rập, song ngữ Canada</li><li>85 phím: tiếng Bồ Đào Nha của người Brazil</li><li>87 phím: tiếng Nhật</li></ul>
Bố trí	QWERTY/AZERTY/Kanji

# Thông số kỹ thuật bộ chuyển đổi nguồn

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Loại	65 W và 90 W
Điện áp đầu vào	100–240 V AC
Dòng đầu vào (tối đa)	<ul style="list-style-type: none"><li>65 W — 1,7 A</li><li>90 W — 1,5 A</li></ul>

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Tần số đầu vào	50–60 Hz
Dòng đầu ra	<ul style="list-style-type: none"> <li>65 W — 3,34 A</li> <li>90 W — 4,62 A</li> </ul>
Điện áp đầu ra định mức	19,5 V DC
Phạm vi nhiệt độ (hoạt động)	0°C đến 40°C (32°F đến 104°F)
Phạm vi nhiệt độ (không hoạt động)	-40°C đến 70°C (-40°F đến 158°F)

## Thông số kỹ thuật kích thước vật lý

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Chiều cao	52 mm (2,05 inch)
Rộng	247 mm (9,72 inches)
Chiều dài	356 mm (14,02 inches)
Trọng lượng (cấu hình tối thiểu)	7,8 pound (3,54 kg)

## Thông số kỹ thuật môi trường

Tính năng	Thông số kỹ thuật
Nhiệt độ — hoạt động	-29°C đến 63°C (-20°F đến 145°F)
Nhiệt độ — bảo quản	-51°C đến 71°C (-60°F đến 160°F)
Độ ẩm tương đối (tối đa) — hoạt động	10% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ ẩm tương đối (tối đa) — bảo quản	0% đến 95% (không ngưng tụ)
Độ cao (tối đa) — hoạt động	-15,24 m đến 4.572 m (-50 foot đến 15.000 foot)
Độ cao (tối đa) — không hoạt động	-15,24 m đến 9.144 m (-50 foot đến 30.000 foot)
Mức độ chất gây ô nhiễm không khí	G1 được định nghĩa bởi ISA-71.04-1985

## Liên hệ Dell

**ⓘ GHI CHÚ:** Nếu bạn không có kết nối internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu gói hàng, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm của Dell.

Dell cung cấp một số tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ trực tuyến và qua điện thoại. Dịch vụ có sẵn khác nhau tùy theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có sẵn trong khu vực của bạn. Để liên hệ với Dell để bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật, hoặc các vấn đề dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập vào **Dell.com/support**.
2. Chọn thể loại hỗ trợ của bạn.
3. Xác nhận quốc gia và khu vực của bạn trong danh sách thả xuống **Chọn một quốc gia và khu vực** ở cuối trang.
4. Chọn đường dẫn hỗ trợ hoặc dịch vụ thích hợp dựa trên nhu cầu của bạn.

## Thông tin NOM (chỉ dành cho Mexico)

Các thông tin sau đây được cung cấp trên thiết bị được mô tả trong tài liệu này phù hợp với yêu cầu theo các tiêu chuẩn chính thức của Mexico (NOM).

<b>Điện áp đầu vào</b>	100 V AC — 240 V AC
<b>Tần số đầu vào</b>	50 Hz — 60 Hz
<b>Công suất tiêu thụ</b>	1,7 A/3,34 A
<b>Điện áp đầu ra</b>	19,50 V DC

## Taiwan RoHS

本產品符合臺灣 RoHS 標準 CNS15663

單元	限用物質及其化學符號					
	鉛 (Pb)	汞 (Hg)	鎘 (Cd)	六價鉻 (Cr <sup>+6</sup> )	多溴聯苯 (PBB)	多溴二苯醚 (PBDE)
機箱/檔板	-	0	0	0	0	0
機械部件 (風扇、散熱器等)	-	0	0	0	0	0
電路板組件	-	0	0	0	0	0
電線/連接器	-	0	0	0	0	0
顯示螢幕	-	0	0	0	0	0
電源設備	-	0	0	0	0	0
儲存裝置 (硬碟、光碟機等)	-	0	0	0	0	0
輸入裝置 (鍵盤、滑鼠等)	-	0	0	0	0	0
喇叭/麥克風	-	0	0	0	0	0
配件	-	0	0	0	0	0
備考 1. "0" 係指該項限用物質之百分比含量未超出百分比含量基準值。 備考 2. "-" 係指該項限用物質為排除項目。						